



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

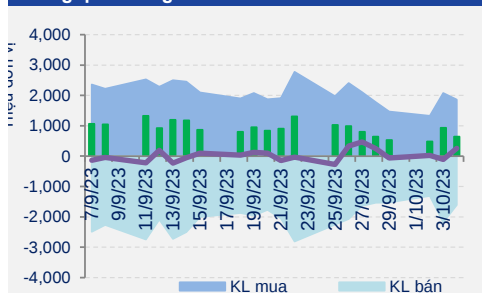
4/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

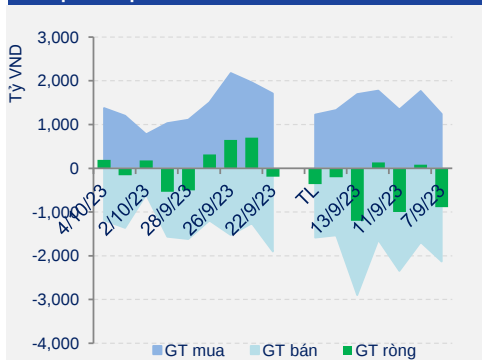
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,128.67	230.20
% Thay đổi	↑ 0.95%	↑ 1.55%
KLGD (CP)	645,477,429	100,787,455
GTGD (tỷ đồng)	14,927.33	1,853.41
Tổng cung (CP)	1,604,708,497	119,733,600
Tổng cầu (CP)	1,859,404,865	147,886,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,380,906	634,800
KL mua (CP)	43,649,681	486,503
GT mua (tỷ đồng)	1,375.08	16.35
GT bán (tỷ đồng)	1,185.29	16.24
GT ròng (tỷ đồng)	189.79	0.11

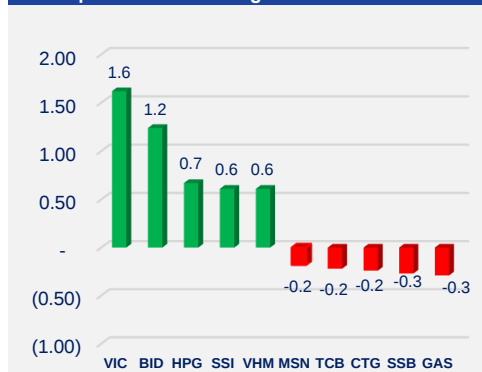
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm mạnh với áp lực chốt lỗ ngắn hạn gia tăng, VN-INDEX đầu phiên hôm nay tiếp tục quán tính giảm điểm về quanh vùng 1.106 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA200 phiên và phục hồi tốt trở lại với lực cầu gia tăng ở vùng giá thấp, quá bán ngắn hạn. Kết phiên VN-INDEX phục hồi tăng 10,57 điểm (+0,95%) lên mức 1.128,67 điểm, vượt lên lại vùng giá thấp nhất tháng 09/2023. HNX-INDEX phục hồi tăng 3,52 điểm (1,55%) lên 230,20 điểm. Độ rộng trên 02 sàn tích cực trở lại nhưng mức độ phục hồi kém so với phiên giảm mạnh trước khi tổng cộng có 448 mã tăng giá (11 mã tăng trần), 193 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 132 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 16.776 tỷ đồng được giao dịch, giảm 28,97% so với phiên giảm mạnh hôm qua, dưới mức trung bình. Mức độ phục hồi không đồng đều, thanh khoản khi phục hồi kém ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường giao dịch, mua ròng với giá trị 189,79 tỷ đồng trên HOSE, trong đó mua ròng nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 0,11 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Thủ tướng vừa ký Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, thực hiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trị giá 58,7 tỷ USD và các dự án đường sắt quan trọng quốc gia.; Trong phiên giao dịch 3/10/2023, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chào bán tín phiếu 28 ngày theo cơ chế đấu thầu lãi suất, trong 9 phiên giao dịch vừa qua, NHNN đã chào thầu thành công tổng cộng gần 110.600 tỷ đồng tín phiếu, bắt đầu từ ngày 21/09/2023.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán sau phiên chịu áp lực bán mạnh đã phục hồi tăng điểm tốt trở lại, thanh khoản duy trì ở mức trung bình khi bắt đầu dần có các thông tin về báo cáo quý III/2023 với kỳ vọng tích cực, nhiều mã phục hồi tốt như FTS (+6,93%), BSI (+6,90%), PSI (+6,82%), SHS (+6,29%), MBS (+5,34%), SSI (+5,13%)...

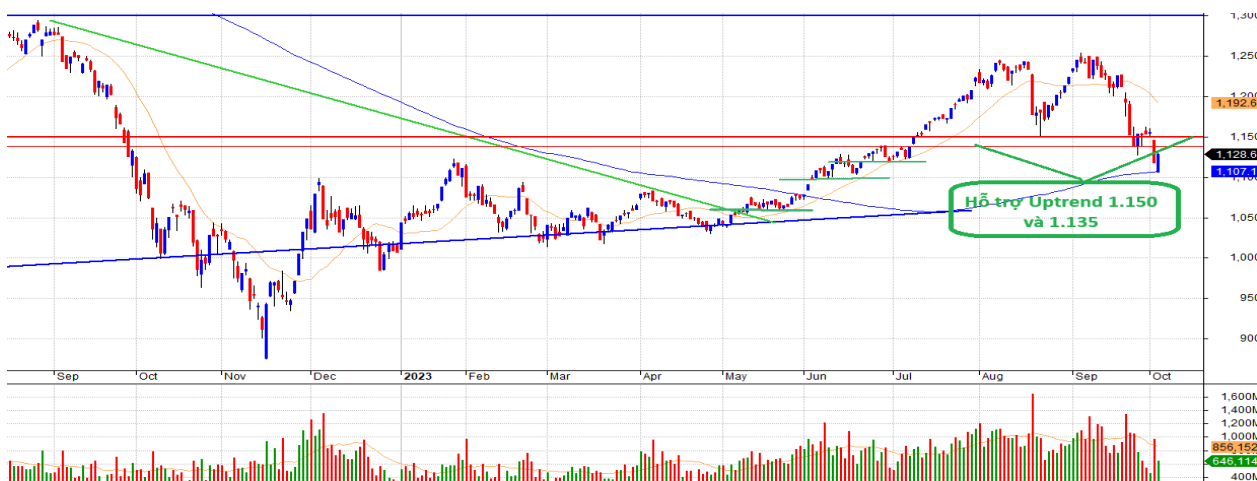
Các cổ phiếu phân bón DCM (+6,87%), BFC (+4,30%), DPM (+3,42%)... hóa chất với DGC (+3,85%), CSV (+3,63%)... bán lẻ FRT (+6,97%), DGW (+3,15%)... dầu khí với PVT (+4,14%), PLC (+4,06%), PVD (+3,67%), PVS (+3,33%)... đã phục hồi tốt trở lại, nhiều mã có thanh khoản gia tăng tốt khi trên thị trường đang bắt đầu có các thông tin dự báo tích cực về kết quả kinh doanh quý III.

Nhóm cổ phiếu bất động sản sau giai đoạn chịu áp lực bán mạnh, nhiều mã cũng đã phục hồi trở lại, tuy nhiên mức độ phục hồi vẫn kém, thanh khoản thấp, dưới mức trung bình, là một phần nguyên nhân thanh khoản thị trường suy giảm khi hồi phục với HDC (+3,63%), VIC (+3,60%), PDR (+3,54%), NTL (+3,56%), NDN (+3,06%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như QCG (-0,93%), SJS (-0,49%)...

Nhóm cổ phiếu đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng có diễn biến khá tích cực, phục hồi trước so với thị trường chung, nhiều mã phục hồi, tăng giá tốt với thanh khoản cải thiện như PC1 (+ 6,16%), KSB (+3,33%), VCG (+3,20%), CTD (+2,82%)... Trong khi các cổ phiếu thép cũng phục hồi sau áp lực giảm mạnh, thanh khoản dưới trung bình như NKG (+3,50%), HSG (+2,14%), HPG (+1,81%)...

Trên thị trường phái sinh, sau phiên bán mạnh khối lượng đột biến, kỳ hạn VN30F2310 tăng 1,2 điểm (+0,11%), khối lượng giao dịch giảm, trên mức trung bình, khối lượng mở OI tăng, mức chênh lệch âm trở lại -6,04 điểm so với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -4,04 điểm đến -12,54 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn đến VN30F2312 đảo ngược. Cho thấy sau khi kỳ vọng VN30 phục hồi trong phiên trước, các trader nghiêng về khả năng VN30 sẽ điều chỉnh giảm và thể hiện sự không chắc chắn về xu hướng của VN30 khi kỳ hạn VNF2312 lớn hơn VN2311 và lớn hơn VN302310

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau phiên giảm mạnh phá hôm qua, phiên hôm nay VnIndex có nỗ lực phục hồi nhưng vẫn chưa lấy lại được mốc hỗ trợ quan trọng 1.135 điểm. Chốt phiên giao dịch VnIndex tăng +10,57 điểm (+0,95%) và đóng cửa ở 1.128,67 điểm. Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn đang trong nhịp điều chỉnh và phiên hồi phục kỹ thuật hôm nay mở ra hy vọng hình thành đáy tuy nhiên rủi ro giảm điểm trở lại trong các phiên tới vẫn có thể xảy ra.

Với việc VN-Index chưa lấy lại được ngưỡng hỗ trợ 1.135 điểm, rủi ro kết thúc xu hướng tăng điểm trung hạn vẫn là hiện hữu. Thị trường nhiều khả năng sẽ đi vào trạng thái tìm điểm cân bằng mới để tích lũy lại và quá trình này sẽ cần nhiều thời gian, các nỗ lực hồi phục mang tính hồi phục kỹ thuật. Cần hình thành nền tích lũy mới nên những nỗ lực hồi phục ngắn hạn nếu xuất hiện cũng sẽ không bền và kết thúc bằng nhịp giảm mới, do đó.

Trong ngắn hạn, VN-Index chưa xác nhận nhịp phục hồi và những biến động mạnh của thị trường gần đây khiến cho việc lướt sóng ngắn hạn sẽ đối diện nhiều rủi ro. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục tỷ trọng thấp, hạn chế mua đuổi giá cao trong các phiên tăng điểm. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã giải ngân theo khuyến nghị của chúng tôi từ đầu sóng và kiên nhẫn chờ đợi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	45.20	43-45	55-57	41	11.4	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.20	13-14	17.5-18.2	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	47.10	46-48	57-59	43	7.2	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.50	19.5-21	25.5-26	18	12.9	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.90	24-25.6	29-30	22	10.4	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	21.70	18.5-20	24-25	17.5	20.9	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	44.60	43.5-46	61-63	41	4.3	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	30.60	28-29.5	34-35	27	7.6	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	39.30	38-38.7	44-46	35	6.1	-26.1%	-92.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	31.5	25.9	35-37	30	21.6%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	74.4	72.95	87-89	78	2.0%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.5	21.7	26-28	19	-5.5%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

Lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam

Ngày 3/10, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định 1143/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, thực hiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và các dự án đường sắt quan trọng quốc gia. Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà được phân công làm Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng, thực hiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và các dự án đường sắt quan trọng Quốc gia...

Tín dụng bất ngờ tăng vọt trong tuần cuối tháng 9, tiền ngân hàng chảy mạnh ra nền kinh tế

Ngày 04/10/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tổ chức Hội nghị Kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tại Hội nghị, Phó Thống đốc NHNN Phạm Thanh Hà cho biết, ngay từ đầu năm, NHNN đã định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2023 khoảng 14-15% (cao hơn tăng trưởng các năm trước), có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Đến ngày 29/9/2023, tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 12,749 triệu tỷ đồng, tăng 6,92%. Như vậy chỉ trong tuần cuối tháng 9, tín dụng đã có tăng trưởng khá mạnh, từ 5,91% lên 6,92%. Tính theo số tuyệt đối thì có đến hơn 120 nghìn tỷ đồng được ngành ngân hàng bơm ra nền kinh tế chỉ trong những ngày cuối tháng vừa qua.

Kỷ lục mới của ngành lúa gạo

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xuất khẩu gạo liên tục “tăng tốc”, kể từ sau khi Ấn Độ ngừng xuất khẩu gạo tế thường, Việt Nam tận dụng tốt cơ hội thị trường trong tháng 8 và tháng 9 vừa qua. Kết thúc 9 tháng, cả nước đã xuất khẩu được 6,6 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch gần 3,7 tỉ USD, con số cao nhất từ trước tới nay. Với đà này, dự kiến cả năm 2023, xuất khẩu sẽ lập kỷ lục trên 8 triệu tấn, với kim ngạch khoảng 4,5 tỉ USD...

Nhiều khoản thu ngân sách chủ chốt đang đuối sức trong giai đoạn nước rút

Chiều 03/10, Bộ Tài chính tổ chức Hội nghị giao ban nhằm đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác tháng 9 và quý 3/2023; kế hoạch triển khai chương trình công tác tháng 10 và quý 4/2023. Theo trên, lũy kế 9 tháng tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 1.223,8 nghìn tỷ đồng, bằng 75,5% dự toán, giảm 8,3% so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu ngân sách trung ương ước đạt khoảng 77,9% dự toán; thu ngân sách địa phương ước đạt khoảng 72,6% dự toán. Các khoản thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đang chậm vật về đích khi thu tháng 9/2023 lần lượt giảm mạnh 37% và 48% so với bình quân 8 tháng...

TIN DOANH NGHIỆP

Petrovietnam (PVN) ước lãi trước thuế 9 tháng đạt 42.500 tỷ đồng, vượt 22% kế hoạch năm

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Petrovietnam (PVN) cho biết, trong 9 tháng năm 2023, tổng doanh thu Tập đoàn ước đạt 643.200 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 42.300 tỷ đồng. Petrovietnam đánh giá, trong 9 tháng đầu năm Tập đoàn đã đảm bảo sản lượng khai thác dầu trong và ngoài nước ở mức cao. Các nhà máy, xí nghiệp vận hành an toàn, ổn định, công suất cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng; đảm bảo cung cấp khí tối đa cho sản xuất điện và các hộ tiêu thụ ngoài điện; sản lượng sản xuất điện, xăng dầu, đạm và nhiều sản phẩm chủ lực khác đều ở mức cao, vượt kế hoạch được giao, đóng góp quan trọng cho sản xuất của các ngành kinh tế khác và an ninh năng lượng đất nước.

Quý III/2023, Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao (LAS) đạt doanh thu 840 tỷ đồng, tăng 37%

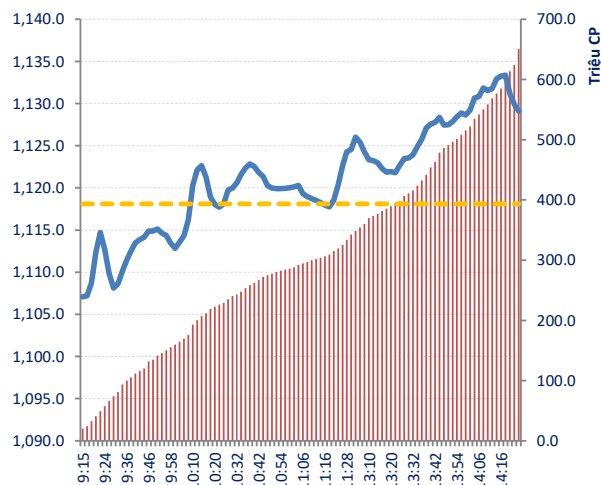
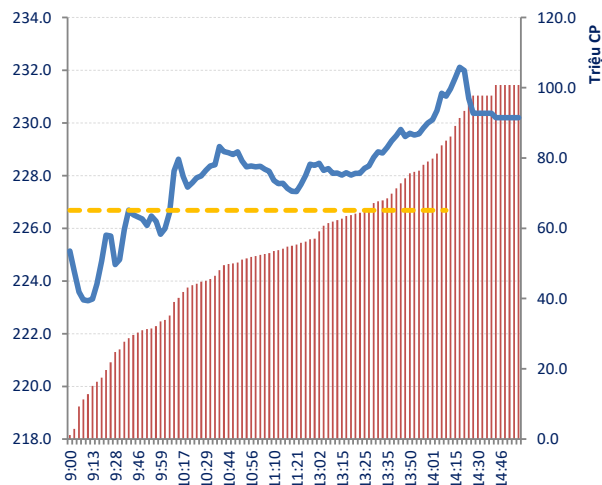
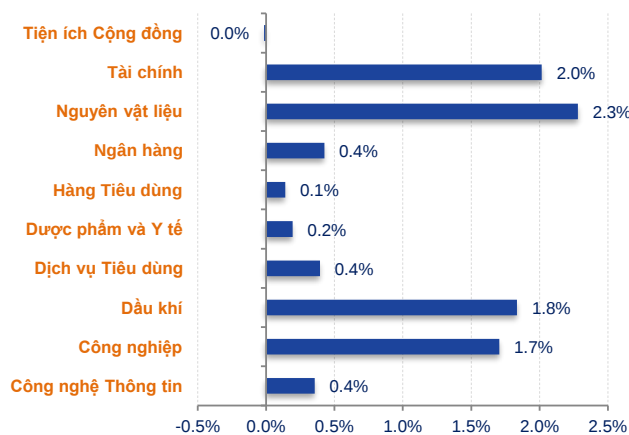
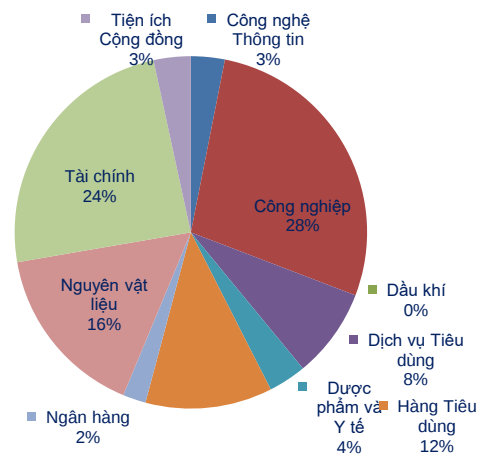
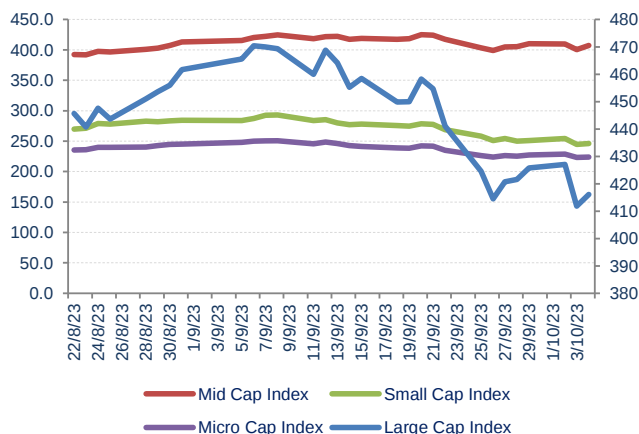
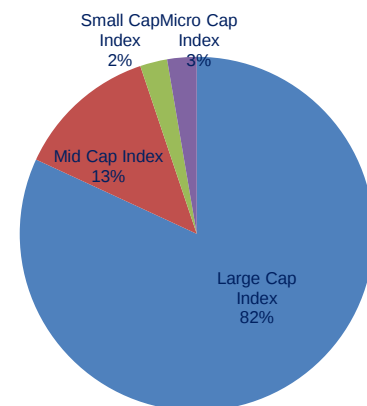
CTCP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao (mã chứng khoán LAS – sàn HNX) mới thông báo về tình hình sản xuất kinh doanh quý III và 9 tháng của Công ty. Tại hội nghị sơ kết công tác quý III, 9 tháng và triển khai nhiệm vụ kế hoạch quý IV/2023, LAS cho biết, trong 9 tháng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.990 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch năm, tăng 19% so với cùng kỳ. Riêng quý III, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của LAS đạt 840 tỷ đồng, bằng 139% kế hoạch quý và tăng 37% so với cùng kỳ năm 2022.

9 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận Viglacera (VGC) ước đạt 1.590 tỷ đồng và vượt 31% kế hoạch năm

Ngày 2/10, Tổng công ty Viglacera – CTCP (mã VGC – sàn HOSE) đã tổ chức cuộc họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 9, báo cáo sơ kết kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch quý IV/2023. Theo đó, tính riêng tháng 9/2023, lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tổng công ty ước đạt 115% so với kế hoạch tháng; và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ ước vượt 112% so với kế hoạch tháng. Trong quý III/2023, lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tổng công ty lãi 565 tỷ đồng, ước đạt 124% kế hoạch quý; và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ ước đạt 503 tỷ đồng, đạt 149% kế hoạch quý III/2023.

MIG dự kiến tăng vốn lên hơn 2,014 tỷ đồng

HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội (HOSE: MIG) vừa thông qua việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thêm gần 288 tỷ đồng, từ mức gần 1,727 tỷ đồng lên hơn 2,014 tỷ đồng. Trong đó, MIG tăng vốn thông qua 2 phương án là chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Cụ thể, MIG dự kiến chào bán hơn 25.9 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10,000 đồng/cp. Tỷ lệ thực hiện quyền là 15% (cổ đông sở hữu 100 cp được mua 15 cp mới). Tổng giá trị phát hành cổ phiếu theo mệnh giá hơn 259 tỷ đồng.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIX	2,219,505	CTG	1,601,300	1	IDC	266,200	PVS	271,800
2	VND	2,172,900	DPM	1,103,500	2	TNG	49,000	SHS	116,120
3	SSI	1,761,297	HDB	987,200	3	BVS	21,800	CEO	70,200
4	NVL	1,290,085	FUEFVND	869,300	4	SPI	10,000	VIG	61,200
5	DXG	1,000,300	POW	839,370	5	DC2	8,000	TA9	16,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	14.90	15.15	↑ 1.68%	44,958,100	SHS	15.90	16.90	↑ 6.29%	33,973,051
SSI	30.20	31.75	↑ 5.13%	33,560,601	PVS	36.00	37.20	↑ 3.33%	8,834,987
VND	19.65	20.35	↑ 3.56%	31,617,000	CEO	19.50	19.60	↑ 0.51%	8,025,282
STB	29.20	30.20	↑ 3.42%	21,204,451	HUT	22.10	22.90	↑ 3.62%	7,979,008
HPG	24.80	25.25	↑ 1.81%	21,145,200	AMV	3.80	3.90	↑ 2.63%	5,576,577

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FRT	89.00	95.20	6.20	↑ 6.97%	PHN	39.60	43.50	3.90	↑ 9.85%
FTS	41.10	43.95	2.85	↑ 6.93%	DXP	12.30	13.50	1.20	↑ 9.76%
ADP	18.05	19.30	1.25	↑ 6.93%	ARM	23.90	26.20	2.30	↑ 9.62%
BSI	36.95	39.50	2.55	↑ 6.90%	BTW	34.50	37.80	3.30	↑ 9.57%
DCM	32.75	35.00	2.25	↑ 6.87%	NFC	11.80	12.90	1.10	↑ 9.32%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMS	57.30	45.70	-11.60	↓ -20.24%	NBW	25.00	22.60	-2.40	↓ -9.60%
TNC	65.90	61.30	-4.60	↓ -6.98%	VE3	9.50	8.60	-0.90	↓ -9.47%
TDW	58.80	54.70	-4.10	↓ -6.97%	VTC	9.70	8.80	-0.90	↓ -9.28%
SRF	9.97	9.28	-0.69	↓ -6.92%	SFN	22.70	20.70	-2.00	↓ -8.81%
LM8	14.25	13.30	-0.95	↓ -6.67%	CTB	22.00	20.20	-1.80	↓ -8.18%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	44,958,100	7.0%	839	17.8	1.2
SSI	33,560,601	7.3%	1,093	27.6	2.1
VND	31,617,000	3.9%	467	42.1	1.6
STB	21,204,451	17.2%	3,601	8.1	1.3
HPG	21,145,200	-2.0%	(328)	-	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	33,973,051	4.3%	507	31.4	1.3
PVS	8,834,987	7.2%	1,953	18.4	1.3
CEO	8,025,282	7.7%	918	21.2	1.6
HUT	7,979,008	1.3%	127	174.6	5.1
AMV	5,576,577	0.8%	99	38.2	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	↑ 7.0%	-2.3%	(327)	-	6.8
FTS	↑ 6.9%	7.5%	1,172	35.1	2.6
ADP	↑ 6.9%	14.5%	1,701	10.6	1.6
BSI	↑ 6.9%	5.8%	1,371	26.9	1.6
DCM	↑ 6.9%	21.5%	4,286	7.6	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PHN	↑ 9.8%	29.9%	5,411	7.3	2.1
DXP	↑ 9.8%	6.6%	1,376	8.9	0.9
ARM	↑ 9.6%	11.0%	1,259	19.0	2.1
BTW	↑ 9.6%	21.8%	5,789	6.0	1.3
NFC	↑ 9.3%	12.5%	1,564	7.5	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	2,219,505	7.0%	839	17.8	1.2
VND	2,172,900	3.9%	467	42.1	1.6
SSI	1,761,297	7.3%	1,093	27.6	2.1
NVL	1,290,085	-1.3%	(295)	-	0.6
DXG	1,000,300	-1.4%	(317)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	266,200	20.7%	3,969	11.3	2.4
TNG	49,000	15.5%	2,372	8.7	1.4
BVS	21,800	8.3%	2,576	10.2	0.8
SPI	10,000	-4.7%	(451)	-	0.4
DC2	8,000	1.8%	194	26.9	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	482,339	23.0%	5,797	14.9	3.2
BID	210,182	19.0%	4,025	10.3	1.8
GAS	198,209	20.3%	5,567	15.5	2.9
VHM	191,810	29.1%	10,341	4.3	1.1
VIC	169,720	3.9%	1,395	31.9	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	19,725	1.3%	127	174.6	5.1
PVS	17,207	7.2%	1,953	18.4	1.3
IDC	14,817	20.7%	3,969	11.3	2.4
THD	13,513	2.9%	458	76.6	2.2
SHS	12,929	4.3%	507	31.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.33	-0.4%	(63)	-	0.7
EVG	2.91	1.3%	157	33.5	0.4
VPH	2.74	0.4%	39	216.6	0.8
GEX	2.65	1.6%	385	49.9	0.8
LGL	2.59	5.9%	769	5.2	0.3

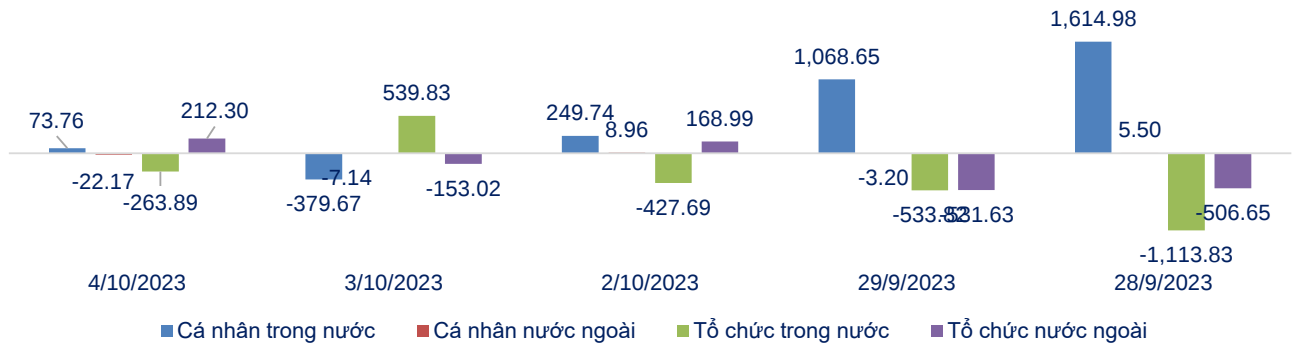
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.56	2.4%	261	79.7	1.9
VC2	2.80	3.9%	562	18.5	0.7
IVS	2.68	2.8%	298	31.9	0.9
IDJ	2.64	5.8%	656	9.0	0.5
APS	2.61	-9.5%	(1,172)	-	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	53.79	-2.0%	(328)	-	1.5
MSN	47.24	3.6%	919	80.5	2.8
CTG	47.22	15.8%	3,664	7.9	1.2
DPM	45.00	19.1%	6,403	5.9	1.2
MWG	41.45	6.6%	1,069	45.8	3.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-53.68	7.3%	1,093	27.6	2.1
VND	-52.29	3.9%	467	42.1	1.6
VIX	-48.02	7.0%	839	17.8	1.2
VIC	-45.85	3.9%	1,395	31.9	1.2
DXG	-38.96	-1.4%	(317)	-	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	3.16	-2.3%	(327)	-	6.8
SKG	0.75	8.9%	1,217	12.3	1.1
MSN	0.75	3.6%	919	80.5	2.8
VHM	0.70	29.1%	10,341	4.3	1.1
SMB	0.60	24.5%	4,932	7.6	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-5.35	17.2%	3,601	8.1	1.3
BWE	-2.99	16.0%	3,700	12.6	2.0
DCM	-2.54	21.5%	4,286	7.6	1.6
CTG	-2.32	15.8%	3,664	7.9	1.2
VCI	-2.13	5.0%	783	49.7	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	24.34	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	21.61	-1.4%	(317)	-	0.8
VIX	15.38	7.0%	839	17.8	1.2
FRT	13.50	-2.3%	(327)	-	6.8
VHC	12.99	16.4%	7,080	11.4	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-62.33	36.6%	10,780	8.4	3.0
HPG	-53.93	-2.0%	(328)	-	1.5
DCM	-30.75	21.5%	4,286	7.6	1.6
GAS	-28.70	20.3%	5,567	15.5	2.9
MBB	-26.27	22.3%	3,496	5.2	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	71.62	36.6%	10,780	8.4	3.0
SSI	54.36	7.3%	1,093	27.6	2.1
VND	45.13	3.9%	467	42.1	1.6
VIC	43.42	3.9%	1,395	31.9	1.2
VIX	32.69	7.0%	839	17.8	1.2

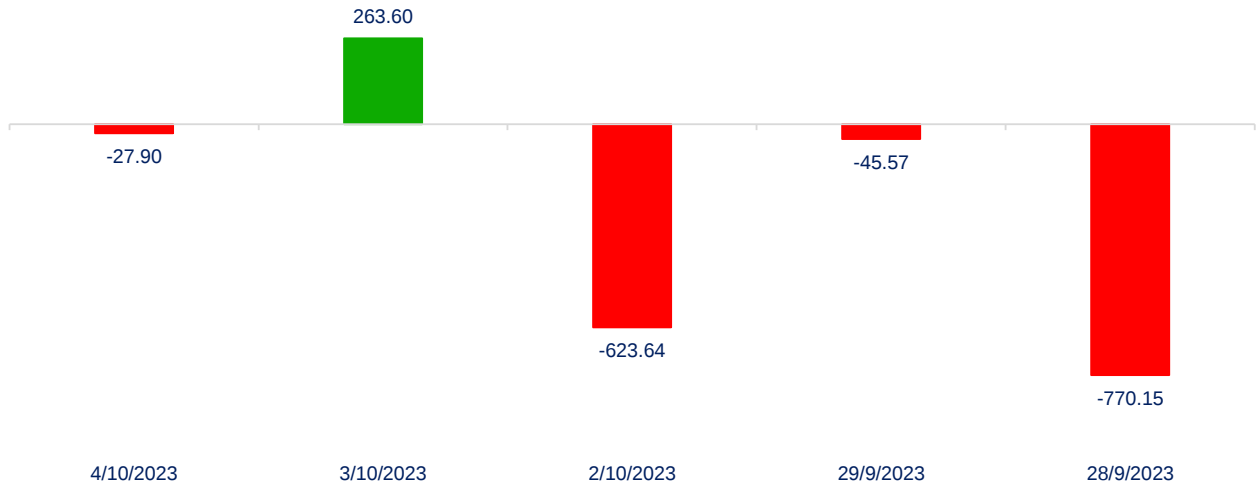
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-44.01	15.8%	3,664	7.9	1.2
DPM	-42.66	19.1%	6,403	5.9	1.2
MSN	-36.70	3.6%	919	80.5	2.8
MWG	-30.44	6.6%	1,069	45.8	3.1
FUEVFVND	-22.37	N/A	N/A	N/A	N/A

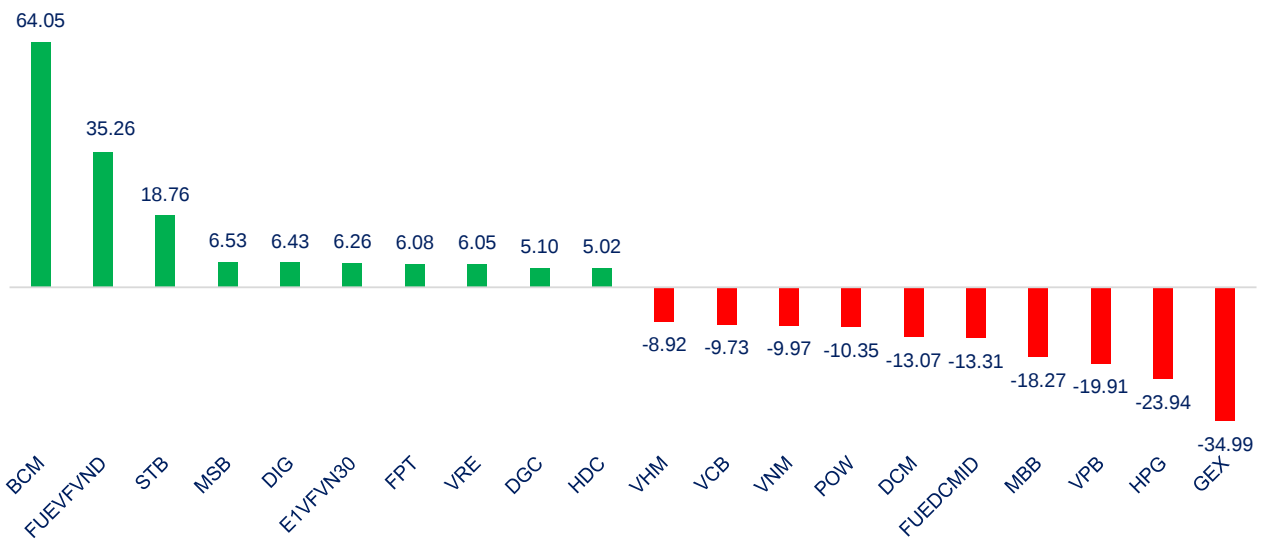


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn